

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2018

V/V tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Hải** - Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Võ Việt Tân.
2. Bà **Lý Thị Bé Năm** - Cán bộ hưu trí phường 1.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Thoa** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trịnh Quốc C**, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Trịnh Quốc C trình bày:* Do quen mai mối Anh Trịnh Quốc C và Chị Nguyễn Thị H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào đầu năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2015 cho đến nay. Nay Anh C yêu cầu xin được ly hôn với chị H, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Trịnh Quốc T**, sinh năm 1993 và **Trịnh Thiệu B**, sinh ngày 21/01/2001. Về con chung đối với cháu **Trịnh Quốc T** hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên không đặt ra yêu cầu để giải quyết. Riêng đối với cháu **Trịnh Thiệu B** Anh C đồng ý giao cho

chị H nuôi dưỡng và Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* *Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Hằng trình bày:* Về quan hệ hôn nhân chị H xác định, chị và Anh C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau từ đầu năm 1992 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2015 cho đến nay, chị H cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Anh C. Về con chung có 02 con chung như lời trình bày của Anh C là đúng, đối với cháu Trịnh Quốc T hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không đặt ra yêu cầu để giải quyết. Riêng đối với cháu Trịnh Thiếu B, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 07 năm 2018.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Trịnh Quốc C và Chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Đối với cháu Trịnh Quốc T hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, Anh C và chị H không đặt ra yêu cầu để giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Đối với cháu Trịnh Thiếu B, sinh ngày 21/01/2001 tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 07 năm 2018 cho đến khi cháu B thành niên và có khả năng lao động. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung theo Anh C và chị H thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu để giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về nợ chung theo Anh C và chị H khai không có nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Yêu cầu xin được ly hôn với Chị Nguyễn Thị H. Xét thấy, do mai mối Anh C và chị H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cho

nhau vào đầu năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình, từ đó dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay Anh C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị H, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu Anh C. Tuy nhiên, do quan hệ vợ chồng giữa Anh C và chị H được xác lập vào năm 1992 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Trịnh Quốc C và Chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Trịnh Quốc T, sinh năm 1993 và Trịnh Thiệu B, sinh ngày 21/01/2001. Về con chung đối với cháu Trịnh Quốc T hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên Anh C và chị H không đặt ra yêu cầu để giải quyết. Riêng đối với cháu Trịnh Thiệu B chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 07 năm 2018. Phía Anh C cũng đồng ý tiếp tục giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, cháu B hiện do chị H nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, qua tham khảo lời khai của cháu B, cũng có nguyện vọng xin được sống chung với chị H, khi Anh C và chị H ly hôn với nhau, nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H và tiếp tục giao cháu Trịnh Thiệu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 07 năm 2018 cho đến khi cháu B thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung*: Theo Anh C và chị H thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này giữa Anh C và chị H không thỏa thuận được với nhau mà có xảy ra tranh chấp thì Anh C, chị H được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Theo Anh C và chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Trịnh Quốc C phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Trịnh Quốc C và Chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Thiệu B, sinh ngày 21/01/2001 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 07 năm 2018 cho đến khi cháu B thành niên và có khả năng lao động. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc Anh Trịnh Quốc C phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Anh C đã nộp theo biên lai thu số 0001466 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, nên Anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Tân Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Phan Thanh Sơn